

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TRUYỆN NGẮN

Nhật Linh

VDC Media – 2001

MỤC LỤC

NGƯỜI QUAY TƠ	2
GIẤC MỘNG TỪ LÂM.....	5
GIẾT CHỒNG BÁO THÙ CHỒNG	16
BÓNG NGƯỜI TRÊN SƯƠNG MÙ.....	23
THÁNG NGÀY QUA.....	28
ĐẦU ĐƯỜNG XÓ CHỢ	34
NƯỚC CHẢY ĐÔI DÒNG	39
NGHÈO.....	45
CHẾT DỞ.....	51
THẾ RỒI MỘT BUỔI CHIỀU	57
LÒNG TỬ TẾ.....	73
HAI CHỊ EM	78
CÁI TÂY.....	84
LAN RỪNG.....	91

NGƯỜI QUAY TƠ

Tử Nương là một người con gái thôn quê làm nghề chần tầm, ương tơ, ở làng Xuân Nghi huyện Hồng Lạc. Nhà nghèo, cha mẹ đã già, làm lụng để nuôi hai thân. Cô trông xinh lắm, người thanh thanh vừa tầm, hai con mắt êm đẹp, mỗi khi trời nắng, gió lạnh, cô ra sân hai tay ngọc xe sợi tơ vàng dẹt lụa là cho người trong làng mặc. Một hôm, đương ngồi quay tơ ngoài sân thời có một người học trò nhỏ đi qua, thấy nàng đẹp quá mê đứt đi, ngày nào cũng hai lần trèo qua cái đồi cao, sang để gặp mặt nàng như thế, được gần một năm. Về sau nàng biết mà cảm thương, đem lòng mến. Mùa đông gió trên đồi thổi mạnh, lắm hôm rét quá mà nàng cũng chịu khó ra ngồi quay tơ ngoài sân cho người học trò được trông thấy mặt.

Tin đi mỗi lại rồi hai người lấy nhau, lúc ấy nàng mới có mười sáu tuổi. Nhà chồng nghèo nàng vẫn giữ nghề cũ nuôi chồng đi học, năm sau đỗ tú tài. Hai vợ chồng hòa hợp thương yêu nhau lắm, lấy nhau được trên hai năm cũng chưa có con cái gì. Một hôm ông tú gọi nàng đến, khóc và dặn rằng:

- Tôi đi phen này chưa biết bao giờ về, mà tôi cũng không mong đâu trở về nữa, không biết có còn thấy được mặt nhau nữa không?

Nàng nói:

- Thôi tôi hiểu cả rồi, việc của nhà tôi xin thay, chàng cứ yên tâm mà đi. Việc gì phải khóc lóc thế. Làm tài trai trong nước mà không được như người con gái quê mùa này ư?

Nhưng nàng nói thế rồi nàng cũng khóc theo. Ông tú lên Hà Nội, rồi đi đâu mất, họ đồn là theo bọn văn thân. Mấy tháng sau có mật thám về bắt bà cụ chánh là bà mẹ ông tú và từ đường lên tra hỏi. Lúc mới đến, nàng biết ngay, mặt tái ngắt, song gượng lại ngay mà nói:

- Các bác cứ để yên tự khắc bà tôi và tôi sẽ lên, chúng tôi không việc gì mà phải trốn, không cần phải xích tay, xích chân gì cả.

Các bác kia thấy người con gái nhà quê mà ăn nói cứng cáp, khẳng khái, bằng lòng để cho hai mẹ con được tự do.

Ông tú phải đi đầy Côn Lôn chung thân: nàng lại đem bà Huấn về quê giữ cái guồng tơ khung cửi để lấy tiền phụng dưỡng thay chồng. Như thế được bốn năm trời: từ mẹ chồng cho đến người trong họ ai ai cũng cho phép nàng cải giá, nàng nhất định không lấy ai cả, quyết giữ lời thề với người cũ. Ông tú ở Côn Lôn cũng mấy bận viết thư về khuyên nàng, bắt nàng lấy người khác, lời lẽ thảm thiết thương. Nàng xem thư chỉ khóc rồi có khi nào nhớ chồng, lên tít trên đỉnh đồi cao mà đứng trông, có khi về nhà bố mẹ đẻ ra ngồi quay tơ ngoài sân, tưởng tượng đến lúc gặp gỡ người thư sinh từ mấy năm về trước; những lúc ấy thời nàng lại đẹp lên bội phần, ai cũng thương mà ai cũng yêu, trong làng nhiều người rắp ranh bán sê: một ông giáo có quen ông tú, góa vợ đã lâu cũng đem bụng yêu nàng, cho mỗi sang hỏi. Lúc mỗi sang, nàng biết ngay, than rằng:

- Ai ngờ bác giáo mà cũng đến như thế ư!

Nói xong mắng mỗi đuổi ra. Ai cũng giận mà ai cũng mến nàng hơn trước.

Bà cụ Huấn mất, nàng làm ma chay cho chu đáo, rồi lên tỉnh xin phép đi theo chồng. Xin mãi mới được phép, Nhà nước lại cho cả tiền tàu nữa.

Nàng về quê thu xếp, rồi một thân một mình ra đi, đất lạ quê người. Nàng ở bên ấy với chồng khổ sở trong ba năm, sinh được một đứa con trai thời ông tú bảo nàng về:

- Như tôi chiếc thân đầy đoạn đã đành chứ vợ con tôi thời có tội tình gì, nay đã được đứa con để nối dõi thời mẹ đem con về nước, cố mà nuôi cho nên người khí khái, chứ ở đây với tôi mãi, thời chỉ thêm phí hai đời người nữa mà thôi. Còn tôi... tôi cũng không định sống lâu đâu, xin đừng tơ tưởng đến tôi nữa!

Nói xong, nắm tay vợ khóc mà từ biệt.

Hôm nghe tin nàng đem con về, cả làng Xuân Nghi ai ai cũng rủ nhau ra quán đón mừng. Lúc nàng bế con ở trên xe xuống

hai con mắt ngơ ngẩn đưa nhìn khắp hết người làng, trông nàng có cái vẻ thần tiên: nàng có vẻ cảm động quá ứa nước mắt mà khóc, người làng cũng nhiều người khóc theo.

Nàng thấy ai cũng có bụng kính mến, nên vui lòng mà làm ăn, tậu được cái nhà con ở chân đồi ngày ngày đi buôn hàng tẩm. Một hôm nàng đang ngồi chơi với con thoir có giấy về báo tin rằng ông tú tự tử mất đã được hơn một tháng rồi. Nàng ôm con vào lòng rồi ngã xuống ngất người đi. Mấy ngày hôm sau mới nhận được bức thư ông tú gửi về từ biệt.

Nàng cũng khuây dần: có lẽ nàng nghĩ mình đã có con cũng đủ, và một đàng sống một đàng chết, sống mà cũng như chết, thời thà chết còn hơn, linh hồn mới có thể về cùng vợ cùng con được.

Năm sau những người phải tội đi đầy chung thân với ông tú được tha cả. Nàng cũng biết tin ấy, thế có ai oán không? Đứa con nàng tự nhiên phải bệnh chết, nàng hóa điên từ đấy; bây giờ cứ đi lang thang, hát nghêu ngao, nhưng thường thường nàng hay về nhà bố mẹ đẻ, lấy cái guồng năm xưa ra quay tơ, quay cả ngày mà không biết mỏi, thỉnh thoảng có hát lên mấy câu.

Mới đầu cũng thương hại, song nghĩ cho kỹ thời thế lại hay cho nàng đấy, có lẽ thế mà lại xong, thật đấy nàng là người sung sướng nhất đời còn chúng mình đây không được như nàng phải đầy đọa chung thân.

Ừ, thử nghĩ xem sống mà đeo cái đau khổ suốt đời, cái đau khổ không bao giờ khuây được chỉ có một cách là tự diệt mình mới thoát ly, thời cái điên là chẳng nên ước lắm sao? Nàng không biết mình là khổ thời nàng là người tiên rồi. Ôi! Nhưng bây giờ Tử Nương còn biết gì nữa, nàng có nhớ đến chồng con nàng nữa đâu, ai đã yêu nàng, nàng có nhớ đâu mà nàng còn yêu ai nữa, nàng chỉ ngày ngày thơ thẩn một mình lên tới đỉnh đồi cao mà đứng trông... Nhưng nàng trông ai bây giờ?

Đường trần mới đến nửa chừng, Mà guồng tơ cũ đã ngừng bánh xưa.

*Rút từ tập truyện ngắn Người quay tơ,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1927*

GIẤC MỘNG TỪ LÂM

Tôi vừa ở Sở về, nghĩ đến thân mình lấm than mà buồn tình thế sự. Hai buổi đi về công việc càng làm càng thấy chán nản, đời mình thật là lạt lẽo vô cùng, lắm lúc muốn ẩn thân một nơi thôn dã, đối với đời không có tiếng tăm gì là đủ; nhà giàu, có công việc làm đây không chút gì bổ ích cho ai, ra luôn vào cúi mà vẫn không sao rút ra được.

Đương bữa khoản thời thấy một người đi vào trông hơi quen quen, đứng dậy nhìn kỹ thời té ra anh Trần Lưu, trước cùng học với tôi trường Luật. Năm nọ ăn mặc tây, bây giờ trông lạ hẳn đi: mình mặc cái áo the thâm, đầu đội nón dứa, tay xách cái khăn gói to như người ở phương xa đến, thấy tôi thì tươi cười mà cúi chào, chứ không bắt tay nhau như trước nữa.

Xưa nay tôi vẫn phục anh Trần Lưu là người trí: anh Lưu học cùng với tôi trong trường Luật, đến năm thứ hai, thời bỏ vì hai thân anh qua đời cả. Hôm về quê, anh có than vãn với tôi, không biết cuộc đời của anh sau này sẽ xoay ra làm sao:

- Tôi bây giờ một thân một bóng, về quê là để thăm chút phần mộ của hai thân tôi, rồi sau đây non nước bốn phương biết đâu là quê hương xứ sở, anh đâu có nhớ đến tôi cũng không biết đâu mà tìm tôi nữa. Tôi định bây giờ đi khắp các vùng nhà quê, lần vào đám làm ăn, vừa để học vừa để dạy cho họ và xem xét dân tình, ăn mặc thời quần nâu áo nâu đi đất, đánh cái nón rách vừa đi vừa kiếm ăn, anh nghĩ sao?

Tôi khuyên anh cứ chịu khó, tuy đi như thế chưa chắc ăn thua gì song có ngày sẽ nảy ra một cái ý kiến hay, nói xong anh từ biệt. Thế là từ độ ấy tôi không thấy tin tức anh đâu cả. Năm sau tôi được bổ tham biện phủ thống sứ mà cũng không lần nào gặp anh nữa.

Hôm nay tình cờ anh đến, vui mừng quá, thấy anh ăn mặc thế cũng không lấy làm lạ, nhận ra ngay. Anh Trần vào, vừa cười vừa bảo tôi rằng:

- Anh còn nhớ tôi ư, tôi ăn mặc thế này, thật khác xưa lắm nhỉ?

Tôi bảo pha nước uống và hỏi chuyện:

- Tôi ở đây đi làm hai buổi buồn quá, thấy anh đến mà mừng, muốn hỏi anh trong hai năm nay anh ra làm sao và anh kể cho ít câu chuyện có cái hương vị nhà quê thời thích quá.

Bạn tôi nói đã lâu mới lên Hà Nội, muốn đi xem cảnh tượng và quan sát, mua sách vở, tối về thư thả sẽ nói.

Đêm ấy trăng cao mà sáng, chúng tôi bắc cái chõng ra nằm ngoài sân. Bạn tôi nói:

- Trước khi tôi nói cho anh biết những công việc của tôi trong hai năm nay, tôi hãy xin anh đừng vội trách tôi, mà tôi cũng không có gì đáng trách. Anh cũng biết cái thành thói trong lòng là ít người có, và nếu bao giờ cũng giữ được thành thói, thói cứ như thế đòi người ta sống cũng đã dễ chịu và chính đỉnh lắm rồi. Anh đừng cho tôi là một người có tài cán làm những việc ích quốc lợi dân, tôi không dám mong thế, có khi tôi muốn làm mà không làm được, tôi chỉ như một người thường khác mà thôi. Thân tôi không phải chỉ có hiện tại thôi đâu, tôi chính là ý muốn của ông cha tôi từ mấy đời trước mà trong óc tôi còn sót lại. Tôi cứ thật thà mà ngỏ lòng tôi cho anh biết, anh thương hay anh giận, anh trách hay anh khen tôi cũng thế, mà ai bình phẩm tôi thế nào, tôi cũng không cần.

Tôi bỏ học được mấy ngày thời thu xếp về quê thăm mộ thầy để tôi, hôm sau ăn mặc quần nâu áo nâu, đi thẳng. Trong một năm trời đi được gần khắp trung châu, mới đầu về Hải Dương, xuống Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, vòng lên Hà Đông, Bắc Ninh, có khi một mình khăn gói lang thang, có khi đi lẫn vào bọn thợ, cũng làm lụng như họ, vất vả khổ sở quá, nói ra không thể nào tin được.

Có khi ngủ ở giữa cánh đồng, có khi ốm mà không ai chăm nom, song cái đó không làm tôi ngã chí. Tôi học cũng được nhiều và kiếm ăn cũng đủ tiêu dùng, tuy mồ hôi nước mắt mà thành thói không lụy ai. Thỉnh thoảng thấy cảnh đẹp, trời chiều man mác, điếm cỏ cầu sương mà tự nhiên bật miệng ngâm lên câu thơ chữ

tây, lại vội vàng nhìn quanh xem có ai nghe thấy không? Về sau phải tập luyện cho quen, bây giờ thật là An Nam rồi. Còn về phần dạy cho người khác thời tôi ngỡ không biết có bổ ích gì không, mà bổ ích thế nào được. Tôi cứ ngỡ như thế mãi, thành ra ý tưởng tôi đổi khác đi mà tôi không biết, cái tính tình vốn nặng hơn lý lẽ nhiều, vùng nào phong cảnh tiêu điều, thời tôi hay lánh đi, chỉ tìm những nơi nào có đồi, có sông, dân phong thuần hậu thời hay lẩn quất ở lại lâu.

Bây giờ đã đến cái thời kỳ tôi hơi ra ngoài đời mà đến gần cảnh vật rồi đó, tôi mới biết rằng tôi chưa từng yêu gì hơn yêu cảnh thiên nhiên, lắm khi có thể lấy đấy làm cái vui ở đời, khuây khỏa được lắm nỗi đắng cay sâu thẳm: có khi tôi ngắm cảnh mà quên cả mọi nỗi gian truân, quên cả thế sự, tưởng có thể bỏ cả vinh hoa phú quý để được hưởng một cái thú cón con với cây cỏ. ánh sáng hơi thu, gió lạnh, những lúc mùa nọ thay sang mùa kia thường đem cho tôi lắm cái cảm giác êm đềm man mác, tôi là người khác rồi, cái nguyên nhân ấy muốn tách bạch ra thời phải người nào giỏi về tâm lý học lắm mới làm nổi.

Tôi đương mang tấm lòng như thế, thời đến một nơi gọi là Từ Lâm; xa xa toàn là núi, ngọn nọ ngọn kia không dứt, sắc núi màu lam, buổi sáng buổi chiều mây bay sương phủ. Từ Lâm là một cái làng nhỏ ở chân đồi, vẻ đặc sắc nhất là tỉnh, có con sông con, sắc nước trong xanh chảy từ từ trong lòng cát trắng. Mảnh đất đó, đối với tôi là khách qua chơi một ngày, sao có liên cảm sâu xa như thế? Tuy không phải là nơi danh thắng, non không cao, nước không sâu, nhưng có vẻ đậm đà, điều độ, ân ái, dễ xiêu người. Tôi không ứ phục, tôi không say đắm, nhưng tôi dễ nhận, dễ yêu như một nơi quê hương xứ sở vậy, lòng tôi lúc đó băng khuâng, không nỡ rời đi nơi khác, định chỉ kiếm việc gì ở đấy để lưu liên lại ít lâu.

Tôi muốn vút hết những ý nghĩ bần khoản phiền phức của đời quá ư văn minh này, cố giữ trong lòng được thanh thoi mà yên thân ở đấy. Cái lòng tôi yêu cảnh thiên nhiên thật đã tới đến cực điểm.

Tôi để ý đến dân tình thời thấy phong tục rất hay, rất thanh tú, đúng với óc tôi mơ tưởng bấy lâu. Tôi có xem xét cho kỹ lưỡng thời thấy mình biết thêm được nhiều điều đáng cho vào quyển sách sau này. Nhưng tôi lại tự hỏi: thời phong tục làng ấy hay, nhưng

hay ở thời này để làm gì mới được chứ? Có phải chỉ là để so sánh và lấy tiếng khen của người đời sau đâu? Điều đó tôi chưa giải quyết, chỉ riêng phần tôi bấy lâu chịu nỗi phát phơ, đến chốn đó có cái khí vị thanh nhàn, đời người đáng sống, đáng tôn trọng lắm. Nhưng họ có biết thế không? Nếu họ không biết thì cái mục đích của tôi đổ đen hết cả. Đến lúc tôi tìm thấy là lúc tôi lại muốn phá đi. Tôi thành ra hoài nghi, nhưng tự an ủi mình rằng: đời ta đáng sống, ta vui lòng mà sống là nhờ có một cái tuyệt đích, là tu trường là hay, cố công đeo đuổi cho suốt đời. Sự run rủi đã đưa ta đến chốn này, thời ta cứ tĩnh tâm xem xét phong tục rồi làm thành sách mà giúp đời.

Ta cứ yên tâm mà theo cái đường ta muốn đi, thời đời ta mới có nghĩa lý đôi chút, ta tin ở đấy thời ta sống mới có phần đầy đặn hơn.

Một hôm tôi ở dưới làng lên đồi chơi, đường đi men sườn đồi, thấy có cái vườn dâu cành lơ thơ như bức màn hồng lấm tấm lá xanh. Giữa vườn có nóc nhà lá; theo cái ngõ con đi vào thời thấy sáng sủa phong quang như nhà một người ẩn sĩ.

Hôm ấy về mùa đông mà trời nắng, gió thổi lá dâu phát phới, lòng tôi nhẹ nhàng, vui vẻ làm sao! Cái vui như chan chứa trong tâm can tưởng không bao giờ có thể hết vui được nữa.

Vừa vào đến sân thời tôi đứng ngẩn người ra: một cô con gái trạc độ mười sáu, mười bảy đương ngồi quay tơ ngoài hiên, thấy tôi vào đưa mắt trông lên. Tôi chưa từng thấy người nào đẹp đến thế, băng khuâng như mình lạc vào cảnh tiên. Nàng thấy tôi vào, không biết tại sao đứng dậy, tấm áo dịu dàng, mắt hoa ngơ ngẩn mà nhìn tôi: nàng nhìn tôi rồi lại nhìn quần áo, tôi mới sực nhớ ra mình ăn mặc như người thợ, cái tinh hoa ẩn vào trong sao lại cảm được nàng, làm sao nàng nhìn tôi mà lại hình như biết là tôi được. Tôi lấy làm ngượng, cái cử chỉ không được thật, như tỏ ra mình là người thế nào mà nàng đã biết hết. Nàng đột nhiên hỏi:

- Cậu vào đây muốn hỏi ai?

Tôi làm ra bộ ngơ ngẩn mà nói:

- Thưa cô, tôi làm ở trên đồi, xuống nhờ cô bát nước mưa uống đỡ khát.

Nàng nhìn tôi một lúc lâu, hai con mắt trông như ngọc nhiên muốn hỏi, rồi nói:

- Trời này uống nước mưa thời lạnh chết, để tôi vào xem có nước chè nóng, thời tôi cho một bát.

Tôi uống xong ngần ngừ không muốn đi ra, thấy nàng lại sắp ngồi vào quay tơ, liền nói:

- Cô cứ quay tơ đi cho tôi đứng xem học lấy cách thức thế nào.

- Mỗi người một việc, cái bác này người lạ quá, uống nước xong thời lên đồi mà làm việc lại còn ngần ngừ đứng lại, quay tơ thời có gì lạ mà xem.

Nàng nói thế là có ý đuổi, tôi cứ mê mẩn không đi. Nàng thấy tôi kỳ khôi lên tiếng gọi người nhà:

- Thầy ơi, có người thợ lười thôi quá người ta muốn hỏi thầy đấy.

Nhà trên một ông cụ đi ra trạc ngoại năm mươi tuổi, râu đã lấm tấm bạc, vừa đi vừa nói:

- À, có phải bác phó Nghi đó không? Sao lên chậm thế?

Nàng nhìn lại tôi, thấy tôi vẫn đứng ngậm ngùi với cái guồng tơ lấy làm lạ, liền nói:

- Thưa thầy cái người nào ấy, không phải bác phó Nghi đâu.

Ông cụ đến thì tôi vái chào, ông cụ không trả lời, mắt đăm đăm vào tôi như nhìn một vật gì lạ, rồi bỗng như nhớ ra, giơ hai tay lên mà nói:

- ... Ông giáo Lưu.

Lúc bấy giờ cô bé đến gần cũng giương hai con mắt mà nhìn tôi, rồi lại nhìn ông cụ, con tơ nàng cầm ở tay rời ra rơi xuống đất.

Tôi thốt nhiên nghĩ đến tứ cố vô thân, người trong nước như thờ ơ lạnh nhạt, bấy lâu gian truân khổ sở mà không ích lợi cho ai, nên không thiết gì nữa, muốn ghen với nghìn người khác được sung sướng hơn mình, liền ngả nón mà nói một câu, một câu ấy mà cuộc đời tôi xoay hẳn đi; bấy lâu vì xã hội, vì danh giá làm cho mình không phải là mình, nay đến trước cảnh thiên nhiên bao nhiêu cái phụ thuộc xưa kia tôi tạo nên tôi không có nữa.